**HIỆN TRẠNG NGHIỆP VỤ**

1. **Danh sách các nghiệp vụ của từng chức năng:**
2. **Tiếp nhận hồ sơ các đội đăng kí mới:**

* Khi tiếp nhận hồ sơ các đội đăng kí mới thì mỗi đội gồm các thông tin sau:

Logo, Tên đội, Ngày thành lập, Màu áo sân nhà, Sân nhà(có thể có sân nhà với đội khác trong cùng TP), Sức chứa, Đơn vị chủ quản, Chủ tịch, Vốn điều lệ ban đầu, Địa chỉ, Tel/Fax, Website.

1. **Tiếp nhận danh sách các cầu thủ:**

* Mỗi đội được quyền đăng kí từ 15 đến 22 cầu thủ (tối đa 3 cầu thủ nước ngoài) và có thể thay đổi trong mỗi giai đoạn của mùa bóng (mỗi mùa có hai giai đoạn: lượt đi và lượt về). Độ tuổi cầu thủ từ 16 đến 40, có hai loại cầu thủ (trong nước và nước ngoài).

1. **Lập lịch thi đấu:**

* Trong một vòng đấu, mỗi đội tham gia đúng 1 trận. Đội 1 là đội đá trên sân nhà. Trong cả giải mỗi đội thi đấu đúng 2 lần với 1 đội khác (một lần sân nhà và một lần sân khách).

1. **Ghi nhận kết quả trận đấu:**

* Các trọng tài và giám sát trận đấu có nhiệm vụ ghi lại biên bản trận đấu (tên đội, nơi diễn ra trận đấu, thời gian, tỉ số, đăng kí cầu thủ) và chi tiết trận đấu (bàn thắng, số lần sút, thẻ đỏ, thẻ vàng, viết vị).
* Có 3 loại bàn thắng (A, B, C). Thời điểm ghi bàn từ 0 đến phút 96.

1. **Tra cứu cầu thủ:**

* Tra cứu cầu thủ theo họ tên, ngày sinh, theo đội, loại cầu thủ,( tổng số bàn thắng).

1. **Tra cứu theo đội bóng:**

* Tra cứu theo Tên đội, Ngày thành lập, Màu áo sân nhà, Sức chứa.

1. **Lập báo cáo giải:**

* Từ kết quả các trận đấu, LĐ sẽ xếp hạng theo từng vòng đấu.
* Thắng: 3, Hòa: 2, Thua: 0. Xếp hạng theo điểm, hiệu số, tổng bàn thắng, đối kháng.

1. **Lập danh sách các đội ở các hạng đấu:**

* Sau mỗi mùa bóng, các đội ở các hạng đấu sẽ thay đổi do có sự lên xuống hạng của các đội. Vì vậy sau mỗi mùa bóng phải lập lại danh sách các đội bóng.

1. **Lập danh sách các đội dự Cup Quốc Gia:**

* Ngoài các giải đấu ở thể thức vòng tròn 2 lượt ở các hạng, còn có 1 giải đấu ở thể thức Cup giành cho các đội ở tất cả các hạng đấu tham dự chung. (Những đội ở các hạng cao sẽ được miễn ở vòng sơ loại).

1. **Lập danh sách các đội dự Cup Châu Lục:**

* Những đội xuất sắc nhất ở trong Cup Quốc Gia sẽ được tham dự Cup Châu Lục. Tùy thuộc vào số suất mà LĐ Châu Lục cho phép LĐ Quốc Gia sẽ cử số đại diện hợp lý.

1. **Thay đổi qui định:**

* Có thể thay đổi qui định như tuổi tối thiểu, tuổi tối đa của cầu thủ. Số lượng cầu thủ tối thiểu, tối đa của đội, số cầu thủ nước ngoài tối đa.
* Thay đổi số lượng các loại bàn thắng, thời điểm ghi bàn tối đa.
* Thay đổi điểm số khi ghi bàn thắng, hòa, thua nhưng phải đảm bảo điểm thắng > điểm hòa > điểm thua.
* Thay đổi thứ tự ưu tiên khi xếp hạng.

1. **Chi tiết từng nghiệp vụ cụ thể:**

* **Danh sách các nghiệp vụ, biểu mẫu và qui định liên quan:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công việc** | **Biểu mẫu** | **Qui định** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ các đội đăng kí mới | BM1 | QĐ1 |  |
| 2 | Tiếp nhận danh sách các cầu thủ | BM2 | QĐ2 |  |
| 3 | Lập lịch thi đấu | BM3 | QĐ3 |  |
| 4 | Ghi nhận kết quả trận đấu | BM4 | QĐ4 |  |
| 5 | Tra cứu cầu thủ | BM5 |  |  |
| 6 | Tra cứu đội bóng | BM6 |  |  |
| 7 | Lập báo cáo giải | BM7 | QĐ7 |  |
| 8 | Lập danh sách các đội ở các hạng đấu | BM8 | QĐ8 |  |
| 9 | Lập danh sách các đội dự Cup Quốc Gia | BM9 | QĐ9 |  |
| 10 | Lập danh sách các đội dự Cup Châu Lục | BM10 | QĐ10 |  |
| 11 | Thay đổi qui định |  | QĐ11 |  |

* **Danh sách các Qui định:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã QĐ | Tên QĐ | Mô tả chi tiết | Ghi chú |
| 1 | QĐ1 | Tiếp nhận hồ sơ thành lập đội | Đội bóng khi thành lập phải có đơn vị chủ quản là donah nghiệp tư nhân với vốn điều lệ ít nhất 1 tỷ VNĐ. Đội bóng có thể sử dụng sân nhà với tối đa 2 đội cùng TP khác. |  |
| 2 | QĐ2 | Tiếp nhận danh sách các cầu thủ | Có hai loại cầu thủ (trong nước và nước ngoài). Mỗi đội bóng có từ 15 đến 22 cầu thủ (tối đa 3 cầu thủ nước ngoài). Độ tuổi từ 16 đến 40. |  |
| 3 | QĐ3 | Lập lịch thi đấu | Trong 1 vòng đấu, mỗi đội tham gia đúng 1 trận. Đội 1 là đội đá trên sân nhà. Trong cả giải mỗi đội thi đấu đúng 2 lần với 1 đội khác (một lần sân nhà và một lần sân khách). |  |
| 4 | QĐ4 | Ghi nhận kết quả trận đấu | Cầu thủ nhận 1 thẻ đỏ hoặc 2 thẻ vàng sẽ rời sân. Trận đấu sẽ kết thúc sớm khi 1 trong 2 đội không còn đủ 7 cầu thủ trên sân. Mỗi đội đăng kí tối thiểu 12 cầu thủ/ trận đấu. Mỗi đội đăng kí số lượng cầu thủ ngoại trong danh sách có mặt trên sân tùy vào hạng đấu. (Ngoại hạng: 3 cầu thủ, hạng nhất: 2 cầu thủ). |  |
| 5 | QĐ7 | Lập báo cáo giải | Điểm thắng: 3, Hòa: 2, Thua: 0. Xếp hạng theo điểm, đối kháng, hiệu số, tổng số bàn thắng. |  |
| 6 | QĐ8 | Lập danh sách các đội ở các hạng đấu | Mỗi hạng có 14 đội tham dự. Hai đội xếp cuối mỗi hạng đấu sẽ rớt xuống hạng thấp hơn. Hai đội xếp đầu mỗi hạng đấu sẽ thăng hạng trong mùa tiếp theo (trừ ngoại hạng). Đội đứng thứ 12 của mỗi hạng sẽ đá play-off với đội thứ 3 của hạng đấu thấp hơn để giành quyền thăng hạng. |  |
| 7 | QĐ9 | Lập danh sách các đội dự Cup Quốc Gia | Các đội ngoại hạng được miễn vòng 1/64. Từ vòng 1/64 đến vòng Bán kết các đội thi đấu 2 lượt theo thể thức sân khách, sân nhà (có sử dụng luật bàn thắng sân khách). Vòng Chung kết sẽ thi đấu 1 trận duy nhất tại SVĐ Quốc Gia. |  |
| 8 | QĐ10 | Lập danh sách các đội dự Cup Châu Lục | Vô địch và Á Quân giải ngoại hạng dự Cup C1. Vô địch Cup Quốc Gia và hạng 3 giải ngoại hạng dự Cup C2 (Trường hợp 1 đôi top 3 giải ngoại hạng và Vô địch Cup Quốc Gia trùng nhau thì lấy đội có vị trí thấp hơn tại giải ngoại hạng tham dự Cup Châu Lục).  Đối với đội dự Cup C1 phải có Khách sạn 5 sao cách sân tập tối đa 10km danh cho đội khách khi sang tham dự. (Nếu không có dự thì xuống dự Cup C2). |  |
| 9 | QĐ11 | Thay đổi qui định | Có thể thay đổi qui định như tuổi tối thiểu, tuổi tối đa của cầu thủ. Số lượng cầu thủ tối thiểu, tối đa của đội, số cầu thủ nước ngoài tối đa.  Thay đổi số lượng các loại bàn thắng, thời điểm ghi bàn tối đa.  Thay đổi điểm số khi ghi bàn thắng, hòa, thua nhưng phải đảm bảo điểm thắng > điểm hòa > điểm thua.  Thay đổi thứ tự ưu tiên khi xếp hạng. |  |

* **Danh sách các Biểu mẫu:**

1. **Biểu mẫu 1 và qui định 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BM1** | **Hồ sơ thành lập đội bóng** | | |
| Logo: | Tên đội: | Thành lập: | Màu áo sân nhà: |
| Sân nhà: | | Sức chứa: | |
| Đơn vị chủ quản: | | Chủ tịch: | |
| Vốn điều lệ: | | | |
| Địa chỉ: | | | |
| Tel/Fax: | | | |
| Website: | | | |

|  |
| --- |
| QĐ 1: Đội bóng khi thành lập phải có đơn vị chủ quản là donah nghiệp tư nhân với vốn điều lệ ít nhất 1 tỷ VNĐ. Đội bóng có thể sử dụng sân nhà với tối đa 2 đội cùng TP khác. |

1. **Biểu mẫu 2 và qui định 2:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM2** | **Danh sách cầu thủ đội** | | | | | |
| STT | Tên cầu thủ | Loại cầu thủ | Ngày sinh | Nơi sinh | Vị trí | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 2: Có hai loại cầu thủ (trong nước và nước ngoài). Mỗi đội bóng có từ 15 đến 22 cầu thủ (tối đa 3 cầu thủ nước ngoài). Độ tuổi từ 16 đến 40. |

1. **Biểu mẫu 3 và qui định 3:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM3** | **Lịch thi đấu** | | | |
| Vòng thi đấu: | | | | |
| STT | Ngày – Giờ | Sân VĐ | Đội 1 | Đội 2 |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 3: Trong 1 vòng đấu, mỗi đội tham gia đúng 1 trận. Đội 1 là đội đá trên sân nhà. Trong cả giải mỗi đội thi đấu đúng 2 lần với 1 đội khác (một lần sân nhà và một lần sân khách). |

1. **Biểu mẫu 4 và qui định 4:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM 4.1** | | **Biên bản trận đấu** | | | | |
| Ngày: | | | | Giờ: | | |
| Đội 1: | | | | Đội 2: | | |
| Tỉ số: | | | | Sân VĐ: | | |
| Trọng tài: | | | | Giám sát trận đấu: | | |
| STT | Số áo | | Tên cầu thủ | Vị trí | Loại bàn thắng | Thời điểm |
| 1 |  | |  |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BM 4.2** | **Chi tiết trận đấu** | |
|  | Đội 1 | Đội 2 |
| Bàn thắng |  |  |
| Sút cầu môn |  |  |
| Sút chính xác |  |  |
| Lỗi |  |  |
| Thẻ vàng |  |  |
| Thẻ đỏ |  |  |
| Việt vị |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 4: Cầu thủ nhận 1 thẻ đỏ hoặc 2 thẻ vàng sẽ rời sân. Trận đấu sẽ kết thúc sớm khi 1 trong 2 đội không còn đủ 7 cầu thủ trên sân. Mỗi đội đăng kí tối thiểu 12 cầu thủ/ trận đấu. Mỗi đội đăng kí số lượng cầu thủ ngoại trong danh sách có mặt trên sân tùy vào hạng đấu. (Ngoại hạng: 3 cầu thủ, hạng nhất: 2 cầu thủ). |

1. **Biểu mẫu 5:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM5** | **Tra cứu cầu thủ** | | | | | | |
| STT | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Quốc tịch | Chiều cao | Cân nặng | Đội bóng |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Biểu mẫu 6:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BM6** | **Tra cứu đội bóng** | | |
| Logo: | Tên đội: | Thành lập: | Màu áo sân nhà: |
| Sân nhà: | | Sức chứa: | |
| Đơn vị chủ quản: | | Chủ tịch: | |
| Vốn điều lệ: | | | |
| Địa chỉ: | | | |
| Tel/Fax: | | | |
| Website: | | | |

1. **Biểu mẫu 7 và qui định 7:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM 7** | **Lập báo cáo giải** | | | | | | | | |
| Hạng | Tên đội | Trận | Thắng | Hòa | Thua | Bàn thắng | Bàn bại | Hiệu số | Điểm |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 7: Điểm thắng: 3, Hòa: 2, Thua: 0. Xếp hạng theo điểm, đối kháng, hiệu số, tổng số bàn thắng. |

1. **Biểu mẫu 8 và qui định 8:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM8** | **Danh sách các đội ở các hạng đấu** | | | |
| STT | Tên đội bóng | Sân nhà | Thành tích mùa trước | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 8: Mỗi hạng có 14 đội tham dự. Hai đội xếp cuối mỗi hạng đấu sẽ rớt xuống hạng thấp hơn. Hai đội xếp đầu mỗi hạng đấu sẽ thăng hạng trong mùa tiếp theo (trừ ngoại hạng). Đội đứng thứ 12 của mỗi hạng sẽ đá play-off với đội thứ 3 của hạng đấu thấp hơn để giành quyền thăng hạng. |

1. **Biểu mẫu 9 và qui định 9:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BM9** | | **Lịch thi đấu Cup Quốc Gia** | | | |
| **Vòng 1/64** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |
| 3 |  | |  |  |  |
| 4 |  | |  |  |  |
| 5 |  | |  |  |  |
| 6 |  | |  |  |  |
| 7 |  | |  |  |  |
| 8 |  | |  |  |  |
| **Vòng 1/32** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |
| 3 |  | |  |  |  |
| 4 |  | |  |  |  |
| **Vòng 1/16** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |
| **Vòng Tứ Kết** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |
| **Vòng Bán Kết** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |
| **Vòng Chung Kết** | | | | | |
| **STT** | **Đội 1** | | **Đội 2** | **Sân VĐ** | **Tỉ số** |
| 1 |  | |  |  |  |

|  |
| --- |
| QĐ 9: Các đội ngoại hạng được miễn vòng 1/64. Từ vòng 1/64 đến vòng Bán kết các đội thi đấu 2 lượt theo thể thức sân khách, sân nhà (có sử dụng luật bàn thắng sân khách). Vòng Chung kết sẽ thi đấu 1 trận duy nhất tại SVĐ Quốc Gia. |

1. **Biểu mẫu 10 và qui định 10:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BM 10** | **Đội bóng đại diện Quốc Gia dự Cup Châu Lục** | |
| Tên đội bóng: | | |
| Thành tích mùa trước: | | |
| Cúp tham gia: | | |
| Sân nhà: | | Sức chứa: |
| Khách sạn đội khách: | | Khoảng cách từ KS đến SVĐ: |

|  |
| --- |
| QĐ 10: Vô địch và Á Quân giải ngoại hạng dự Cup C1. Vô địch Cup Quốc Gia và hạng 3 giải ngoại hạng dự Cup C2 (Trường hợp 1 đôi top 3 giải ngoại hạng và Vô địch Cup Quốc Gia trùng nhau thì lấy đội có vị trí thấp hơn tại giải ngoại hạng tham dự Cup Châu Lục).  Đối với đội dự Cup C1 phải có Khách sạn 5 sao cách sân tập tối đa 10km danh cho đội khách khi sang tham dự. (Nếu không có dự thì xuống dự Cup C2). |

1. **Qui định 11:**

|  |
| --- |
| QĐ 11: Có thể thay đổi qui định như tuổi tối thiểu, tuổi tối đa của cầu thủ. Số lượng cầu thủ tối thiểu, tối đa của đội, số cầu thủ nước ngoài tối đa.  Thay đổi số lượng các loại bàn thắng, thời điểm ghi bàn tối đa.  Thay đổi điểm số khi ghi bàn thắng, hòa, thua nhưng phải đảm bảo điểm thắng > điểm hòa > điểm thua.  Thay đổi thứ tự ưu tiên khi xếp hạng. |